

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2023
của các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" giai đoạn 2022 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định, đánh giá Chỉ số cải cách hành chính tỉnh tại Tờ trình số 55/TTr-HĐTD ngày 02 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa, như sau: (Có Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo).

Điều 2. Căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2023, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức quán triệt, đánh giá, rút kinh nghiệm và có giải pháp đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính năm 2024 và những năm tiếp theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Đắk Nông; Đài PT&TH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng, đơn vị thuộc VP;
- Lưu: VT, TH (Dg).

CHỦ TỊCH



Hồ Văn Mười

PHỤ LỤC 01

CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC SỞ, BAN, NGÀNH NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 151 /QĐ-UBND ngày 06 /02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (15,5 điểm)	Cải cách thể chế (14 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (17,5 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (10 điểm)	Cải cách chế độ công vụ (12 điểm)	Cải cách tài chính công (11 điểm)	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (20 điểm)	Tổng cộng điểm (100 điểm)	Chỉ số cải cách hành chính (%)	Xếp loại
I	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 95% đến 100%: Xếp loại xuất sắc										
1	Cục Thuế tỉnh	15,5	14	17,5	10	10	11	20	98	98	Xuất sắc
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh	14,5	14	17,47	10	9	11	20	95,97	95,97	Xuất sắc
3	Kho bạc Nhà nước Đắk Nông	12,5	14	17,5	10	10	11	20	95	95	Xuất sắc
4	Thanh tra tỉnh	14,5	14	15,5	10	11	11	19	95	95	Xuất sắc
II	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 85% đến dưới 95%: Xếp loại tốt										
5	Sở Nội vụ	15,5	14	15,99	10	12	8	15,42	90,91	90,91	Tốt
6	Văn phòng UBND tỉnh	12,5	13	15,5	10	10	11	18,54	90,54	90,54	Tốt

TT	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (15,5 điểm)	Cải cách thể chế (14 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (17,5 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (10 điểm)	Cải cách chế độ công vụ (12 điểm)	Cải cách tài chính công (11 điểm)	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (20 điểm)	Tổng cộng điểm (100 điểm)	Chỉ số cải cách hành chính (%)	Xếp loại
7	Sở Tư pháp	14,5	14	15,45	9	12	10	15,3	90,25	90,25	Tốt
8	Sở Thông tin và Truyền thông	14,5	13	15,5	10	12	8,25	16,97	90,22	90,22	Tốt
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10,34	11,5	15,5	10	12	11	19,71	90,05	90,05	Tốt
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	12,5	14	15,41	10	11	8,47	18,53	89,91	89,91	Tốt
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	13,5	14	15,5	10	12	7,58	16,85	89,42	89,42	Tốt
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15,29	13	15,5	10	9	9,13	17,34	89,25	89,25	Tốt
13	Sở Công Thương	12,22	10,5	15,5	10	12	10,25	15	85,47	85,47	Tốt
III	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 75% đến dưới 85%: Xếp loại khá										
14	Sở Giao thông vận tải	8	13	15	10	10	9,53	17,67	83,19	83,19	Khá

TT	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (15,5 điểm)	Cải cách thể chế (14 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (17,5 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (10 điểm)	Cải cách chế độ công vụ (12 điểm)	Cải cách tài chính công (11 điểm)	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (20 điểm)	Tổng cộng điểm (100 điểm)	Chỉ số cải cách hành chính (%)	Xếp loại
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9	11	15	10	12	7,62	16,93	81,55	81,55	Khá
16	Sở Tài chính	12,5	7,5	15,5	10	9,5	11	15,4	81,40	81,40	Khá
17	Ban Dân tộc	8,5	7,5	15	9	11	11	19	81	81	Khá
18	Sở Y tế	12,5	12,5	13,49	9	9	7,52	15,54	79,56	79,56	Khá
19	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	9	10,5	15	9	10	7,5	18,2	79,2	79,2	Khá
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	7,27	13	14,73	7	10	9,93	17,23	79,16	79,16	Khá
21	Sở Xây dựng	12,23	10	10,86	9	11	7,41	15,11	75,61	75,61	Khá
22	Sở Khoa học và Công nghệ	5,68	12	15	9	10	8,5	15,26	75,44	75,44	Khá

PHỤ LỤC 02
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số: 151 /QĐ-UBND ngày 06 /02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (14 điểm)	Cải cách thể chế (11 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (17 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (7,5 điểm)	Cải cách chế độ công vụ (11 điểm)	Cải cách tài chính công (11 điểm)	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (15,5 điểm)	Tác động của cche đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (13 điểm)			Tổng cộng điểm (100 điểm)	Chỉ số Cải cách hành chính (%)	Xếp loại
									Tác động của cải cách hành chính đến các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (3 điểm)	Chỉ số SIPAS (10 điểm)	Tổng (13 điểm)			
I	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 85% đến dưới 95%: Xếp loại tốt													
1	UBND huyện K'rong Nô	14	11	14,59	7,5	7,79	10,98	10,77	1,5	7,84	9,34	85,96	85,96	Tốt
2	UBND huyện Đăk R'Lấp	12	11	14,93	7,5	8	10,91	10,73	1,5	7,83	9,33	85,40	85,40	Tốt

TT	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (14 điểm)	Cải cách thể chế (11 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (17 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (7,5 điểm)	Cải cách chế độ công vụ (11 điểm)	Cải cách tài chính công (11 điểm)	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (15,5 điểm)	Tác động của cche đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (13 điểm)			Tổng cộng điểm (100 điểm)	Chỉ số Cải cách hành chính (%)	Xếp loại
									Tác động của cải cách hành chính đến các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (3 điểm)	Chỉ số SIPAS (10 điểm)	Tổng (13 điểm)			
3	UBND huyện Đăk Song	14	11	14,61	7,5	7	10,73	10,37	1	8,08	9,08	85,29	85,29	Tốt
II Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 75% đến dưới 85%: Xếp loại khá														
4	UBND thành phố Gia Nghĩa	14	11	14,49	7,5	7	10,57	10,48	1	7,22	8,22	83,26	83,26	Khá
5	UBND huyện Cư Jút	14	10	13,05	7,5	6,87	8,92	10,14	1	7,54	8,54	79,01	79,01	Khá

TT	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (14 điểm)	Cải cách thể chế (11 điểm)	Cải cách thủ tục hành chính (17 điểm)	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (7,5 điểm)	Cải cách chế độ công vụ (11 điểm)	Cải cách tài chính công (11 điểm)	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số (15,5 điểm)	Tác động của cchc đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (13 điểm)			Tổng cộng điểm (100 điểm)	Chỉ số Cải cách hành chính (%)	Xếp loại
									Tác động của cải cách hành chính đến các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (3 điểm)	Chỉ số SIPAS (10 điểm)	Tổng (13 điểm)			
6	UBND huyện Đắk Mil	13,95	9	13,09	7,5	7,98	9,01	10,28	1	7	8	78,81	78,81	Khá
7	UBND huyện Đắk Glong	13,5	10,5	13,57	7,5	7,25	8,96	7,63	1	7,51	8,51	78,42	78,42	Khá
8	UBND huyện Tuy Đức	12	11	12,88	6,5	7	9,76	9,48	1	7,64	8,64	77,25	77,25	Khá